

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN - ĐIỆN TỬ
TIN HỌC SAO BẮC ĐẪU
(Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2005)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN - ĐIỆN TỬ TIN HỌC SAO BẮC Đẩu

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MỤC LỤC

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 05
4. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06 - 08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 19

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN - ĐIỆN TỬ TIN HỌC SAO BẮC ĐẤU

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Điện - Điện tử Tin học Sao Bắc Đẩu ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005.

1. Thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám Đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Giám Đốc tại chức vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Mai Thị Thúy Mai	Chủ tịch HĐQT Phó Tổng Giám Đốc - Phụ trách tài chính
Ông Nguyễn Đức Quang	Thành Viên HĐQT Tổng Giám Đốc
Ông Trần Tuyên Đức	Thành Viên HĐQT Phó Tổng Giám Đốc - Phụ trách kinh doanh
Đỗ Văn Hào	Phó Tổng Giám Đốc - Phụ trách điều hành

2. Trụ sở hoạt động

116 Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học. Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học - mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông - mạng viễn thông; Mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; Đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet; Đại lý cung cấp dịch vụ Internet. Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông.

4. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2005 và kết quả hoạt động của năm tài chính cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ kết thúc vào cùng ngày 31/12/2005 được trình bày từ trang 4 đến trang 19.

5. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, HĐQT Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

6. Các khoản bảo đảm nợ bằng tài sản và khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY TƯ VẤN VÀ KIỂM TOÁN CA&A
CA&A CONSULTING AND AUDITING COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN - ĐIỆN TỬ TIN HỌC SAO BẮC ĐĂNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty Tư vấn và Kiểm toán CA&A được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005.

9. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến của HĐQT, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty năm 2005.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐIỆN-ĐIỆN TỬ TIN HỌC
SAO BẮC ĐĂNG

Mai Thị Thủy Mai

Ngày: 06/6/2006

KIỂM TOÁN VIÊN

HỌ TÊN VIÊN

Đang là KTV và KTV

CÔNG TY TƯ VẤN VÀ KIỂM TOÁN

NGUYỄN VĂN TIẾN

Chủ tịch KTV và KTV

Số: 001/BCKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2006

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN - ĐIỆN TỬ TIN HỌC SAO BẮC ĐẤU**

Công ty Tư vấn và Kiểm toán CA&A đã kiểm toán các báo cáo tài chính niên độ 2005 từ trang 04 đến trang 19 của Công ty Cổ phần Điện - Điện tử Tin học Sao Bắc Đẩu ("Công ty"). Các báo cáo này do Ban Giám Đốc của Công ty chịu trách nhiệm và lập theo chế độ kế toán Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là cung cấp các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo tài chính này dựa vào kết quả của quá trình kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực kiểm toán quốc tế. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã xem xét một số bằng chứng là căn cứ cho các số liệu chi tiết trong các báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán viên

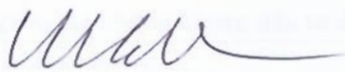
Số dư đầu năm (01/01/2005) chưa được kiểm toán.

Vào ngày 31/12/2005, chúng tôi không được tham dự nhằm chứng kiến việc tiến hành kiểm kê thực tế quỹ tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định của Quý Công ty.

Đến ngày lập báo cáo này, chúng tôi chưa thể thu thập một cách đầy đủ các chứng cứ hiện hữu liên quan đến khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh được thể hiện ở mục 9(*) - trang 15, các khoản công nợ phải thu khách hàng được thể hiện ở mục 4a(*) - trang 12, 13 và các khoản người mua trả tiền trước được thể hiện ở mục 10c(*) - trang 16, 17 - phần Thuyết minh báo cáo tài chính do các thư xác nhận, đối chiếu công nợ cuối năm chưa được phản hồi.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng như đã nêu trên, xét trên phương diện trọng yếu, thì các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện - Điện tử Tin học Sao Bắc Đẩu đính kèm theo đây đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2005, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày này, và được lập phù hợp với chế độ kế toán Việt Nam.

KIỂM TOÁN VIÊN



HỒ ĐẮC HIẾU

Chứng chỉ KTV số: 0458/ KTV



NGUYỄN VĂN TUYỀN

Chứng chỉ KTV số: Đ.0111/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN - ĐIỆN TỬ TIN HỌC SAO BẮC Đẩu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		28.882.678.430	32.944.571.236
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.291.000.586	6.223.715.795
1. Tiền	111	3	1.291.000.586	6.223.715.795
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	4	20.718.277.593	22.355.077.651
1. Phải thu khách hàng	131		15.358.915.801	19.656.399.369
2. Trả trước cho người bán	132		2.736.052.314	354.983.949
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		2.623.309.478	2.343.694.333
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5	6.549.447.206	3.876.543.476
1. Hàng tồn kho	141		6.549.447.206	3.876.543.476
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	6	323.953.045	489.234.314
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		157.243.831	122.229.423
2. Các khoản thuế phải thu	152		166.709.214	367.004.891
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B. Tài sản dài hạn	200		9.268.587.104	3.659.048.944
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu nội bộ dài hạn	212		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	213		-	-
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.181.328.150	2.695.973.901
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	8.498.867.649	2.695.973.901
- Nguyên giá	222		12.495.744.742	5.036.210.328
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.996.877.093)	(2.340.236.427)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	7	252.740.126	-
- Nguyên giá	228		324.951.590	52.217.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(72.211.464)	(52.217.900)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	429.720.375	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		75.124.827	841.733.809
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	9	75.124.827	841.733.809
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		12.134.127	121.341.234
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		12.134.127	121.341.234
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		38.151.265.534	36.603.620.180

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN - ĐIỆN TỬ TIN HỌC SAO BẮC ĐẦU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		22.340.258.366	23.688.029.210
I. Nợ ngắn hạn	310	10	22.340.258.366	23.688.029.210
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		10.410.512.923	7.513.625.692
2. Phải trả cho người bán	312		5.175.976.435	10.722.852.867
3. Người mua trả tiền trước	313		5.286.766.751	3.605.306.414
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		576.807.963	1.702.207.759
5. Phải trả công nhân viên	315		869.454.251	11.054.334
6. Chi phí phải trả	316		-	96.890.333
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		20.740.043	36.091.811
II. Nợ dài hạn	320		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	323		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	324		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		-	-
B. Vốn chủ sở hữu	400		15.811.007.168	12.915.590.970
I. Vốn chủ sở hữu	410		15.767.638.615	12.915.590.970
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	11	14.216.939.129	12.897.028.125
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Cổ phiếu ngân quỹ	413		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414		-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		-	-
6. Quỹ đầu tư phát triển	416		-	-
7. Quỹ dự phòng tài chính	417	11	168.384.865	-
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418	11	1.382.314.621	-
9. Lợi nhuận chưa phân phối	419	12	-	18.562.845
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		43.368.553	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421	11	43.368.553	-
2. Nguồn kinh phí	422		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	423		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		38.151.265.534	36.603.620.180


CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	5,529.99	6,854.79
6. Dự toán chi hoạt động	-	-
7. Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện có	4.069.088.557	2.392.454.327



Hà Chế Chấp

Kế toán trưởng
Ngày 06 tháng 6 năm 2006

Nguyễn Đức Quang
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN - ĐIỆN TỬ TIN HỌC SAO BẮC ĐĂNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: VND

PHẦN I - LÃI, LỖ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2005	Năm 2004
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		82.416.438.918	95.502.988.636
2. Các khoản giảm trừ	03		-	141.384.609
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		82.416.438.918	95.361.604.027
4. Giá vốn hàng bán	11		65.607.764.672	79.713.715.859
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.808.674.246	15.647.888.168
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	13	44.064.613	69.436.623
7. Chi phí tài chính	22	14	688.839.570	1.412.707.136
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		482.725.167	1.218.631.969
8. Chi phí bán hàng	24	15	4.940.847.605	3.312.747.169
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	16	9.027.646.807	8.397.092.060
10. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	30		2.195.404.877	2.594.778.426
11. Thu nhập khác	31	17	530.631.718	1.149.888.946
12. Chi phí khác	32	18	465.514.563	762.053.666
13. Lợi nhuận khác/(lỗ)	40		65.117.155	387.835.280
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/(lỗ)	50		2.260.522.032	2.982.613.706
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp (dự kiến)	51	12	632.946.169	835.131.838
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN /(lỗ)	60		1.627.575.863	2.147.481.868

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: VND

PHẦN II - TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp kỳ trước	Số phải nộp kỳ này	Số đã nộp kỳ này	Số còn phải nộp cuối kỳ
I. Thuế	10	1.702.207.759	6.586.405.941	7.878.514.951	410.098.749
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	759.526.097	1.096.332.311	1.341.729.434	514.128.974
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	344.751.816	2.148.064.849	2.471.083.229	21.733.436
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
4. Thuế xuất, nhập khẩu	14	43.627.340	2.481.861.835	2.504.790.664	20.698.511
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	501.139.838	632.946.169	1.300.795.221	(166.709.214)
6. Thu trên vốn	16	-	-	-	-
7. Thuế tài nguyên	17	-	-	-	-
8. Thuế nhà đất	18	-	-	-	-
9. Tiền thuê đất	19	-	-	-	-
10. Các loại thuế khác	20	53.162.668	227.200.777	260.116.403	20.247.042
II. Các khoản phải nộp khác	30	-	-	-	-
1. Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
2. Các khoản phí, lệ phí	32	-	-	-	-
3. Các khoản phải trả khác	33	-	-	-	-
	40	1.702.207.759	6.586.405.941	7.878.514.951	410.098.749

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN - ĐIỆN TỬ TIN HỌC SAO BẮC ĐẦU
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

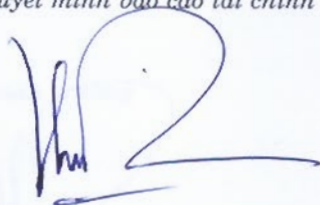
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: VND

Phần III-Thuế GTGT được khấu trừ, được hoàn lại, thuế GTGT hàng bán nội địa

CHỈ TIÊU	Mã số	Số tiền
I. Thuế GTGT được khấu trừ		
1. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại đầu kỳ	10	367.004.891
2. Số thuế GTGT được khấu trừ phát sinh	11	4.214.637.521
3. Số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã được hoàn lại	12	4.581.642.412
<i>Trong đó:</i>		
- Số thuế GTGT đã khấu trừ	13	4.547.160.509
- Số thuế GTGT đã hoàn lại	14	-
- Số thuế GTGT hàng mua trả lại, giảm giá hàng mua	15	26.687.405
- Số thuế GTGT không được khấu trừ	16	7.794.498
4. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại cuối kỳ	17	-
II. Thuế GTGT được hoàn lại		
1. Số thuế GTGT còn được hoàn lại đầu kỳ	20	-
2. Số thuế GTGT được hoàn lại	21	-
3. Số thuế GTGT đã hoàn lại	22	-
4. Số thuế GTGT còn được hoàn lại cuối kỳ	23	-
III. Thuế GTGT được giảm		
1. Số thuế GTGT còn được giảm đầu kỳ	30	-
2. Số thuế GTGT được giảm	31	-
3. Số thuế GTGT đã được giảm	32	-
4. Số thuế GTGT còn được giảm cuối kỳ	33	-
IV. Thuế GTGT hàng bán nội địa		
1. Số thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp đầu kỳ	40	759.526.097
2. Số thuế GTGT đầu ra phát sinh	41	5.771.405.962
3. Số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ	42	4.547.160.509
4. Thuế GTGT hàng bán bị trả lại, bị giảm giá	43	127.913.142
5. Thuế GTGT được giảm trừ vào số thuế phải nộp	44	-
6. Thuế GTGT hàng bán nội địa đã nộp vào ngân sách nhà nước	45	1.341.729.434
7. Số thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp cuối kỳ	46	514.128.974

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Hà Thế Chấp

Kế toán trưởng

Ngày 06 tháng 6 năm 2006



Nguyễn Đức Quang

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2005	Năm 2004
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp và doanh thu khác	01	92.386.972.269	99.357.047.115
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(82.449.940.671)	(76.329.929.252)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.522.516.459)	(4.605.973.746)
Tiền chi trả lãi vay	04	(435.233.955)	(1.218.631.969)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản nộp ngân sách	05	(7.816.165.132)	(8.151.952.217)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	18.218.077.474	26.854.418.220
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(23.869.908.613)	(24.056.343.652)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.488.715.087)	11.848.634.499
II. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(60.598.377)	(152.542.130)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	766.608.982	341.922.421
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	706.010.605	189.380.291
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	32.346.878.667	31.250.095.857
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(29.496.889.394)	(38.366.293.478)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.849.989.273	(7.116.197.621)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(4.932.715.209)	4.921.817.169
Tiền và tiền tương đương tiền đầu kỳ	60	6.223.715.795	1.301.898.626
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tiền tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	1.291.000.586	6.223.715.795

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Kế toán trưởng



Hà Chế Chấp

Ngày 06 tháng 6 năm 2006

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Đức Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN – ĐIỆN TỬ TIN HỌC SAO BẮC ĐÁU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

(Thể hiện bằng đồng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Điện – Điện tử Tin học Sao Bắc Đẩu (“Công ty”) là Doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty TNHH Điện – Điện tử Tin học Sao Bắc Đẩu và thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. HCM cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là

18.000.000.000 VND

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học. Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; Mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; Đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet; Đại lý cung cấp dịch vụ Internet. Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông.

Tổng số nhân viên: 130 người (trong đó: quản lý 43 người)

Trụ sở hoạt động: 116 Bùi Thị Xuân, phường Bến Thành, Quận 1, TP. HCM.

2. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

a) Chính sách kế toán chung

- Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 1141 TC/QĐ/CĐKT ngày 01/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm;
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Việt nam đồng;
- Ngôn ngữ sử dụng ghi chép kế toán: Tiếng Việt;
- Hình thức sổ kế toán: Nhật ký chứng từ;

b) Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác

Đồng Việt nam được sử dụng làm tiền tệ hạch toán để lập các Báo cáo tài chính. Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác được chuyển đổi thành Đồng Việt nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi được kết chuyển vào lãi lỗ trong kỳ.

Những tài sản bằng tiền và các khoản phải thu, phải trả có gốc đồng tiền khác được chuyển đổi thành Đồng Việt nam theo tỷ giá thực tế vào ngày lập Bảng cân đối kế toán. Chênh lệch phát sinh do việc chuyển đổi được kết chuyển vào lãi lỗ trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

(Thể hiện bằng đồng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

c) Tài sản cố định

Nguyên giá của 1 tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí cải tạo và làm mới chủ yếu thì được ghi vào tài sản cố định, những chi phí bảo trì sửa chữa được ghi vào chi phí năm hiện hành. Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

d) Phương pháp kế toán hàng tồn kho

e)

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí trực tiếp liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thành phẩm nhập kho và chi phí sản xuất dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê thường xuyên.

f) Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế

Công ty trích bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế dựa trên lương căn bản của hợp đồng lao động như sau: bảo hiểm xã hội được trích vào giá thành là 15% và 5 % trừ lương công nhân viên, bảo hiểm y tế phải nộp gồm 2% trích vào giá thành và 1% trừ lương công nhân viên.

g) Áp dụng chuẩn mực kế toán

Trong năm 2005, Công ty áp dụng Thông tư 23/2005/TT-BTC hướng dẫn thực hiện sáu chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về trình bày báo cáo tài chính, làm thay đổi đáng kể nội dung và kết cấu trình bày báo cáo tài chính của năm nay. Các số dư cuối kỳ trên các báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại để trình bày cho phù hợp với báo cáo tài chính năm nay.

h) Thuế

Các khoản mục thuế thể hiện trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh là tổng số thuế dự kiến phải nộp cho niên độ báo cáo.

Khoản sai biệt giữa thuế phải trả theo sổ sách kế toán của Công ty và số liệu do quyết toán thuế của cơ quan thuế sẽ được điều chỉnh khi phát sinh.

i) Tình hình trích lập và hoàn nhập dự phòng: Công ty chưa áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN - ĐIỆN TỬ TIN HỌC SAO BẮC ĐẦU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

(Thể hiện bằng đồng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng	31/12/2005	31/12/2004
Tiền mặt tại quỹ	99.708.016	2.742.926.402
Tiền gửi ngân hàng (*)	1.191.292.570	3.480.789.392
Cộng	1.291.000.586	6.223.715.794

(*) Bao gồm:	USD	VND	Quy ra VND
Ngân hàng TMCP Quốc tế VN	3,658.55	310.766.489	369.258.801
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN - CN Gia Định	100.19	23.548.716	25.141.737
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN - CN Tân Bình		1.562.650	1.562.650
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN - CN Hà Nội		10.641.765	10.641.765
Ngân hàng Ngoại Thương - CN Hà Nội		1.003.155	1.003.155
Ngân hàng Ngoại Thương - TP. HCM		782.445.918	782.445.918
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hà Nội		1.238.544	1.238.544
Cộng	3.758,74	1.131.207.237	1.191.292.570

4. Các khoản phải thu	31/12/2005	31/12/2004
Phải thu của khách hàng (a)	15.358.915.801	19.656.399.369
Trả trước cho người bán (b)	2.736.052.314	354.983.949
Các khoản phải thu khác (c)	2.623.309.478	2.343.694.333
Cộng	20.718.277.593	22.355.077.651

(a) Bao gồm:	Quy ra VND
Đài truyền hình TP. HCM	4.323.190.595
Công Ty Thương mại Cổ phần Quốc tế	1.989.326.967
Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp I	1.136.689.530
TTTH HTTT Đại lý và ĐK Quyền sử dụng đất TP. Đà Lạt	829.645.678
PC Việt Nam	732.686.993
Ban QLDA Tin học hóa Quản lý HCNN tỉnh An Giang	690.882.060
Công ty Tài Chính Dầu khí	667.858.667
Cầu Long Joint Operating	659.877.108
Sanofi Synthelabo Việt Nam	470.142.015
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	339.100.335

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN - ĐIỆN TỬ TIN HỌC SAO BẮC ĐẦU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

(Thể hiện bằng đồng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Kho Bạc Nhà nước Trung ương	(*)	309.995.662
VP UBND Tỉnh Tây Ninh	(*)	278.319.690
Trung tâm điện toán truyền số liệu Khu vực 1	(*)	236.223.162
Golden Pacific		232.404.912
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hà Nội		255.686.630
VPĐD Công ty Johnson & Johnson tại Hà Nội		212.440.379
Công ty Schlumberger Vietnam (Vũng Tàu)	(*)	158.437.112
Taylor Nelson Sofres Vietnam	(*)	124.932.375
Công ty TNHH Holcim (Vietnam)	(*)	116.976.500
Công ty Abbott Laboratories S.A.		101.276.088
Khác		1.492.823.343
Cộng		15.358.915.801

(*) Thu xác nhận chưa được phản hồi tổng giá trị: 1.224.884.501 đồng.

(b) Bao gồm:

Công ty TNHH Bảo Anh		1.599.871.817
Công ty Cisco Systems		841.226.310
Khác		294.954.187
Cộng		2.736.052.314

(c) Bao gồm:

	31/12/2005	31/12/2004
Tạm ứng	270.840.833	261.096.674
Các khoản ký cược, ký quỹ (ký quỹ dự thầu các dự án)	2.352.178.645	2.078.993.359
Phải thu khác	290.000	3.604.300
Cộng	2.623.309.478	2.343.694.333

5. Hàng tồn kho

	31/12/2005	31/12/2004
Công cụ dụng cụ	-	77.557.959
Hàng hóa tồn kho	6.549.447.206	3.798.985.517
Cộng	6.549.447.206	3.876.543.476

6. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2005	31/12/2004
Chi phí trả trước ngắn hạn	(*) 157.243.831	122.229.423
Khoản thuế TNDN tạm nộp	166.709.214	367.004.891
Cộng	323.953.045	489.234.314

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN - ĐIỆN TỬ TIN HỌC SAO BẮC ĐĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

(Thể hiện bằng đồng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Bao gồm:

Khoản tiền thuê văn phòng tại chi nhánh Hà Nội từ tháng 12/2005 đến tháng 02/2006.	85.956.448
Khoản tiền thuê văn phòng tại TP. HCM năm 2006	71.287.383
Cộng	157.243.831

7. Tình hình tăng giảm tài sản cố định

Khoản mục	01/01/2005	Tăng	Giảm	31/12/2005
a. Nguyên giá				
Tài sản cố định hữu hình	5.036.210.328	8.630.747.693	1.171.213.279	12.495.744.742
Máy móc thiết bị	2.584.485.210	7.483.596.764	142.897.993	9.925.183.981
Phương tiện vận tải	1.677.703.697	1.037.359.491	531.193.030	2.183.870.158
Dụng cụ quản lý	452.932.306	109.791.438	176.033.141	386.690.603
Khác	321.089.115		321.089.115	-
Tài sản cố định vô hình				
(Phần mềm Oracle)	52.217.900	324.951.590	52.217.900	324.951.590
b. Hao mòn				
Tài sản cố định hữu hình	2.340.236.427	2.384.152.191	564.861.677	3.996.877.093
Máy móc thiết bị	1.322.338.880	1.880.640.962	118.105.215	3.084.874.627
Phương tiện vận tải	695.436.233	361.017.744	368.242.032	688.211.945
Dụng cụ quản lý	159.811.466	142.493.485	78.514.430	223.790.521
Khác	162.649.848	21.157.428	183.807.276	-
Tài sản cố định vô hình				
(Phần mềm Oracle)	52.217.900	72.211.464	52.217.900	72.211.464
c. Giá trị còn lại				
Tài sản cố định hữu hình	2.695.973.901			8.498.867.649
Máy móc thiết bị	1.262.146.330			6.840.309.354
Phương tiện vận tải	982.267.464			1.495.658.213
Dụng cụ quản lý	293.120.840			162.900.082
Khác	158.439.267			-
Tài sản cố định vô hình				
(Phần mềm Oracle)	-			252.740.126

Ghi chú: Tài sản cố định tăng do mua sắm. Tài sản cố định giảm do thanh lý, nhượng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

(Thể hiện bằng đồng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Phần mềm quản lý)		429.720.375
	31/12/2005	31/12/2004
9. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(*)	75.124.827
		841.733.809

(*) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 15/01/VDC2 - ISP/HĐHT ngày 15/11/2001 với Công ty Điện toán - Truyền số liệu khu vực 2 (VDC2): Bên Công ty VDC2 sẽ đảm bảo cung cấp đường truyền Internet với băng thông có chất lượng đến từng địa điểm khách hàng. Bên Công ty Cổ phần Điện - Điện tử Tin học Sao Bắc Đẩu sẽ chịu trách nhiệm cung cấp toàn bộ thiết bị tại khách hàng đầu cuối, các dịch vụ liên quan đến lắp đặt, bảo hành, bảo trì sửa chữa với khách hàng.

10. Nợ ngắn hạn		31/12/2005	31/12/2004
Vay và nợ ngắn hạn	(a)	10.410.512.923	7.513.625.692
Phải trả cho người bán	(b)	5.175.976.435	10.722.852.867
Người mua trả tiền trước	(c)	5.286.766.751	3.605.306.414
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		576.807.963	1.702.207.759
Phải trả công nhân viên		869.454.251	11.054.334
Chi phí phải trả		-	96.890.333
Các khoản phải trả, phải nộp khác		20.740.043	36.091.811
Cộng		22.340.258.366	23.688.029.210

(a) Bao gồm:

Quy ra VND

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định theo Hợp đồng tín dụng số 09/05/HĐHM/TCB-GĐ/PL ngày 10/5/2005.

- Tổng hạn mức vay: 28,5 tỷ đồng.
- Thời hạn của hạn mức: 12 tháng.
- Lãi suất: 0,95%/tháng.

- Tài sản đảm bảo:

Ông Trần Như Khuôn dùng tài sản cá nhân là: Căn nhà số 34 Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM để bảo lãnh, trị giá tài sản: 6.270.000.000 đồng. Nghĩa vụ đảm bảo tối đa bằng tài sản này là: 4 tỷ đồng.

- Số dư tiền vay đến 31/12/2005: 2.418.166.323

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN - ĐIỆN TỬ TIN HỌC SAO BẮC ĐẤU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

(Thể hiện bằng đồng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM theo Hợp đồng tín dụng số 02936/HĐTD-VIBHCM ngày 26/5/2005 và các kế ước nhận nợ Số 02936.30/KUNN2-VIB20/05, Số 02936.31/KUNN2-VIB20/05 ngày 13/12/2005.

- Tổng hạn mức vay: 1,3 Triệu USD.
- Thời hạn của hạn mức: 12 tháng
- Lãi suất: 0,96%/tháng (vay bằng VND); 6,6%/năm (vay bằng USD).

- Tài sản đảm bảo:

Ông Nguyễn Minh Đức và Bà Nguyễn Thị Bình Minh dùng tài sản cá nhân là: Căn nhà số 74/1A Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM để bảo lãnh, trị giá tài sản: 6.649.435.000 đồng. Số tiền cho vay, phát hành thư bảo lãnh và L/C Standby tối đa là: 5.319.548.000 đồng.

- Số dư tiền vay đến 31/12/2005:

USD (437,900.82)	6.968.315.749
VND	1.024.030.851

Cộng **10.410.512.923**

(b) Bao gồm:

CN PP Công ty CP Phát triển Đầu tư Công nghệ (FPT)	1.471.438.921
Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	779.466.000
Công ty TNHH Sun Era International	570.499.507
Công ty TNHH Quản lý Thông tin Việt Nam	326.672.371
Công ty PT TM Kỹ nghệ & DV TTS	204.364.468
Công ty CP ĐT và Phát triển Công nghiệp	231.474.695
Công ty Cổ phần TM DV Hồng Quang	191.084.417
Công ty TNHH PCI	178.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Truyền dẫn và Tin học	164.939.723
Công ty TNHH Giải pháp và Công nghệ thông tin Lộ Trình	184.210.004
Khác	873.826.329
Cộng	<u>5.175.976.435</u>

(c) Bao gồm:

Công ty Cổ phần DV Phần mềm Trò chơi Vina	2.668.889.765
Viện Công nghệ Thông Tin	(*) 1.452.973.427
Ban QL DA XD Công trình KCN Phần mềm DHQG TP. HCM	(*) 457.840.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN - ĐIỆN TỬ TIN HỌC SAO BẮC ĐẦU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

(Thể hiện bằng đồng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty Liên doanh Megastar Media	(*)	279.545.850
Khác		427.517.709
Cộng		5.286.766.751

(*) Thư xác nhận chưa được phản hồi tổng giá trị: 2.190.359.277 đồng.

11. Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	01/01/2005	Tăng	Giảm	31/12/2005
Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	12.897.028.125	1.319.911.004	-	14.216.939.129
Quỹ dự phòng tài chính	-	168.384.865	-	168.384.865
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	1.382.314.621	-	1.382.314.621
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	44.366.553	998.000	43.368.553

(*) Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002093 ngày 11/02/2004 quy định vốn điều lệ là 18 tỷ đồng. Vốn góp thực tế đến 31/12/2005 là 14.216.939.129 đồng. Công ty vẫn chưa góp đủ vốn theo quy định.

12. Lợi nhuận (lỗ) chưa phân phối

Lợi nhuận lũy kế đến 01/01/2005		18.562.845
Lợi nhuận năm 2005		2.260.522.032
Tạm tính thuế TNDN phải nộp năm 2005		(632.946.169)
Các khoản giảm trừ		(31.161.665)
Bổ sung vốn kinh doanh		(19.911.004)
Tạm trích các quỹ		(1.595.066.039)
Lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2005		-

	Năm 2005	Năm 2004
13. Doanh thu hoạt động tài chính	(*) 44.064.613	69.436.623
(*) Bao gồm:		
Chênh lệch tỷ giá	16.733.215	
Lãi tiền gửi ngân hàng	27.331.398	
Cộng	44.064.613	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN - ĐIỆN TỬ TIN HỌC SAO BẮC Đẩu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

(Thể hiện bằng đồng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm 2005	Năm 2004
14. Chi phí tài chính	688.839.570	1.412.707.136
(*) Bao gồm:		
Chi phí lãi vay	482.725.167	
Chênh lệch tỷ giá	206.114.403	
Cộng	688.839.570	
	Năm 2005	Năm 2004
15. Chi phí bán hàng	4.940.847.605	3.312.747.169
(*) Bao gồm:		
Chi phí nhân viên bán hàng	1.071.596.497	
Chi phí công cụ dụng cụ	252.360.927	
Chi phí đào tạo	31.760.792	
Chi phí thi công lắp đặt thiết bị thuê ngoài	2.547.214.826	
Chi phí bảo hành	105.540.281	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.949.921	
Chi phí khác	860.424.361	
Cộng	4.940.847.605	
	Năm 2005	Năm 2004
16. Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.027.646.807	8.397.092.060
(*) Bao gồm:		
Chi phí nhân viên quản lý	4.862.456.673	
Chi phí công cụ dụng cụ	573.446.290	
Chi phí đào tạo	427.973.141	
Chi phí khấu hao	1.335.839.542	
Chi phí mua ngoài	1.417.843.396	
Chi phí khác	410.087.765	
Cộng	9.027.646.807	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN - ĐIỆN TỬ TIN HỌC SAO BẮC ĐẦU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

(Thể hiện bằng đồng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)


	Năm 2005	Năm 2004
17. Thu nhập khác	(*) <u><u>530.631.718</u></u>	<u><u>1.149.888.946</u></u>
(*) Bao gồm:		
Thanh lý tài sản cố định	394.547.368	
Thu nhập khác	<u>136.084.350</u>	
Cộng	<u><u>530.631.718</u></u>	

	Năm 2005	Năm 2004
18. Chi phí khác	(*) <u><u>465.514.563</u></u>	<u><u>762.053.666</u></u>
(*) Bao gồm:		
Thanh lý tài sản cố định	426.388.445	
Chi phí khác	<u>39.126.118</u>	
Cộng	<u><u>465.514.563</u></u>	


Hà Chế Cháp

Kế toán trưởng
Ngày 06 tháng 6 năm 2006




Tổng Giám đốc

